

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/ HNGĐ-PT

Ngày: 13/11/2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhu.

Các thẩm phán: Bà Hà Thảo Quyên.

Bà Phan Thị Thu Hương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Thùy Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Nguyễn Đình Thắng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13/11/2018, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2018/TLPT-HNGĐ ngày 15/10/2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Do bản án hôn nhân gia đình số 103/2018/HNGĐ-ST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐ-PT, ngày 22/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ngô Quang Đ, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: xã A, huyện B, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: xã A, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn chị Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2008, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ngô Quang Đ trình bày:

Anh và chị T tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32 quyền số 01/2003 ngày 26/5/2003. Chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc, nhưng khoảng năm 2013 do chị T mê cờ bạc với hình thức chơi số đề dẫn đến nợ nần nên bao nhiêu giấy tờ, tài sản có giá trị chị T đem đi cầm cố vay tiền để đánh bài, anh có khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị T vẫn không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc. Năm 2013, anh có nộp đơn ly hôn nhưng lại rút đơn khởi kiện do chị T mắc nợ bỏ trốn nên anh không biết địa chỉ, chị T bỏ đi một thời gian rồi về nhưng vẫn không thay đổi, đến tháng 9/2017 thì anh chị ly thân, chị T dọn ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống. Từ khi ly thân đến nay, anh chị không bàn bạc đoàn tụ. Nay anh không còn tình cảm với chị T nên yêu cầu Tòa giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Gia Q, sinh ngày 13/9/2003 và Ngô Kim N, sinh ngày 20/5/2010. Hiện 02 con chung đang do anh nuôi dưỡng. ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/7/2018, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Về mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Đ như anh Đ trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc nhưng khoảng mấy năm trở lại đây chị có vay tiền để chi tiêu trong gia đình nên mắc nợ, khi chủ nợ đến nhà đòi không có trả nên vợ chồng xảy ra tranh cãi, chị không bài bạc như anh Đ trình bày. Vợ chồng ly thân từ tháng 9/2017, chị dọn ra ngoài thuê trọ và sống riêng cũng tại ấp 4, xã A, huyện B. Mục đích chị dọn ra ngoài sinh sống là để đi làm kiếm tiền trả nợ, sau khi trả hết nợ chị sẽ về nhà xin lỗi anh Đ để vợ chồng hòa giải đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nên anh Đ yêu cầu giải quyết ly hôn chị không đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Ngô Gia Q, sinh ngày 13/9/2003 và Ngô Kim N, sinh ngày 20/5/2010. Hiện 02 con chung đang do anh Đ nuôi dưỡng. Anh Đ yêu cầu giải quyết cho ly hôn và nuôi 02 con chung chị không đồng ý. Nếu Tòa giải quyết cho ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Hiện tại chị không tranh chấp.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 103/2018/HNGĐ-ST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện B đã căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ngô Quang Đ đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Xử cho anh Ngô Quang Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2/ Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Gia Q, sinh ngày 13/9/2003 và Ngô Kim N, sinh ngày 20/5/2010.

Xử giao 02 con chung tên Ngô Gia Q và Ngô Kim N cho anh Ngô Quang Đ được quyền nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ và có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Trừ trường hợp chị T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì anh Đ có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của chị T.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Anh Ngô Quang Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 002122 ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, anh Đ đã nộp đủ án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/8/2018, bị đơn chị Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 103/2018/HNGĐ-ST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện B. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ thì giải quyết cho chị T được nuôi dưỡng cháu Ngô Kim N, sinh ngày 20/5/2010.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, mâu thuẫn giữa anh Đ và chị T đã trầm

trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, Tòa án cấp sơ thẩm cho anh Đ được ly hôn chị T là có căn cứ; về con chung, hai cháu hiện đang chung sống cùng anh Đ, anh Đ có việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định có điều kiện nuôi 02 con chung, cả hai cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với cha, chị T hiện không có chỗ ở ổn định lại còn đang phải đi làm để lấy tiền trả nợ, Tòa án cấp sơ thẩm giao hai cháu Q và Ngân cho anh Đ trực tiếp nuôi là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị T trong hạn luật định, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Quang Đ và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A theo giấy chứng nhận kết hôn số 32 quyển số 01/2003 ngày 26/5/2003 đúng quy định pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu, vợ chồng anh Đ, chị T chung sống hạnh phúc nhưng về sau do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tiền bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và sống ly thân từ tháng 9/2017. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh, chị không thỏa thuận bàn bạc đoàn tụ được và còn có những lời lẽ xúc phạm nhau. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh Đ, cho anh Đ được ly hôn chị T là có căn cứ.

Về con chung: Anh Ngô Quang Đ và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung là các cháu Ngô Gia Q, sinh ngày 13/9/2003 và Ngô Kim N, sinh ngày 20/5/2010. Hiện tại, hai cháu đang chung sống cùng anh Đ, anh Đ có việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định đảm bảo được điều kiện nuôi dưỡng 02 con chung. Mặt khác, cả hai cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với cha. Chị T hiện không có chỗ ở ổn định lại còn đang phải đi làm để lấy tiền trả nợ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giao hai cháu Q và Ngân cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng.

Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của chị T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Anh Ngô Quang Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Về áp dụng pháp luật: Anh Ngô Quang Đ và chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn năm 2003, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (Luật tại thời điểm hôn nhân được xác lập) để giải quyết mà lại áp dụng các quy định khác của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là không chính xác, cần áp dụng cho đúng.

[5] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 89, 91, 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Ngô Quang Đ: Anh Ngô Quang Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao hai cháu Ngô Gia Q, sinh ngày 13/9/2003 và Ngô Kim N, sinh ngày 20/5/2010 cho anh Ngô Quang Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Khi cần thiết, chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Quang Đ được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Ngô Quang Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 002122 ngày 13/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B được trừ vào tiền án phí anh Đ phải nộp.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 006652 ngày

20/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B được trừ vào tiền án phí chi T phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- Dương sự ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Bá Nhu